**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8**
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11/01/2019
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Văn Phúc
*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà Nguyễn Thanh Vân
2. Bà Lại Thị Đắc

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thu Trang là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh*** *tham gia phiên toà:* Bà Ngô Thị Kim Sinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 922/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017, về việc **"**Ly hôn**",** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số:103/2018/QĐST- HNGĐ ngày 13/12/2018 , giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Tô Thị Thanh T, sinh năm 1986 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: 40B An Dương Vương, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*2. Bị đơn:* Ông Huỳnh Đức T1, sinh năm 1976 (vắng mặt)
Địa chỉ HKTT: 40B An Dương Vương, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/9/2017 cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Tô Thị Thanh T trình bày: Bà T và ông T1 chung sống và có đăng ký kết hôn ngày 06/01/2009 tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.Thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, hôn nhân không đạt được hạnh phúc rạn nứt dần. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông T1.

Về con chung: có một con chung tên Huỳnh Trọng H, sinh ngày 04/11/2009.Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: bà T tự khai không có.

Bị đơn ông Huỳnh Đức T1 vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa nên Tòa án không thu thập được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân Quận 8 thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật.Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.Đối với bị đơn là chưa tuân thủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đối với yêu cầu bà T đề nghị được ly hôn với ông T1 thì kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa ông T1 vẫn không đến Tòa trình bày yêu cầu chứng tỏ ông T1 không còn quan tâm hàn gắn gia đình và bà T vẫn giữ ý kiến ly hôn.Do đó yêu cầu bà T là có cơ sở phù hợp pháp luật nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại Quận 8.Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 8 theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Tô Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 04/01/2019, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo yêu cầu của nguyên đơn.

Ông Huỳnh Đức T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T1.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Quan hệ hôn nhân: Bà Tô Thị Thanh T và ông Huỳnh Đức T1 chung sống và có đăng ký kết hôn ngày 06/01/2009 tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu bà T đề nghị được ly hôn với ông T1, vì bà T không còn tình cảm, cuộc sống chung không hạnh phúc.Đối với ông T1 Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa tự khai, tham gia hòa giải đoàn tụ gia đình, tham gia phiên tòa xét xử để trình bày ý kiến của mình về quan hệ hôn nhân với bà T, điều đó chứng tỏ ông T1 không còn quan tâm hạnh phúc gia đình.Do đó Hội đồng xét xử nhận thấy rằng đời sống hôn nhân giữa bà T và ông T1 không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.Vì vậy yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở phù hợp pháp luật quy định tại điều 56 luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Về con chung: Xét thấy yêu cầu của bà T là được nuôi dưỡng con chung Huỳnh Trọng H, sinh ngày 04/11/2009 và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: bà T tự khai không có nên không xét.

[4] Án phí: bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2009 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 có hiệu lực vào ngày 01/01/2017.

Tuyên xử: Vắng mặt đối với bà Tô Thị Thanh T và ông Huỳnh Đức T1.

Chấp nhận yêu cầu của bà Tô Thị Thanh T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Tô Thị Thanh T được ly hôn với ông Huỳnh Đức T1.

Về con chung: Giao bà Tô Thị Thanh T trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Trọng H, sinh ngày 04/11/2009.Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông T1 cho đến khi bà T có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: bà T tự khai không có.

Án phí dân sự sơ thẩm bà T phải chịu là 300.000 (Hai trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013318 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà T đã thi hành xong án phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án; Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

*Nơi nhận:*
- TAND TP. HCM;
- VKSND Q 8
- Chi Cục THADS Q8;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B;
- Lưu Vp, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Phúc**